

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ
THÀNH PHỐ H**

Số: **10/2023/QĐST-DS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đ, ngày 12 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ khoản 3 Điều 473, Bộ luật dân sự năm 2005;
Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010;
Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 246/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH MTV D

Trụ sở: , phường C, quận H, H

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H - Chức vụ: giám đốc G - Chi nhánh T - Phòng giao dịch Trung tâm Đ

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H- Phó giám đốc phòng giao dịch Đ, ông Nguyễn Việt L - Nhân viên ngân hàng (Theo giấy ủy quyền số 22/2022/UQ- ngày 08/9/2022);

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1977 (tức N)

Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 78 đường U, Tổ 22 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Bà Tạ Thị Đ - sinh năm 1943

2, Chị Nguyễn Thị Đức A - sinh năm 1998 (con ông Đ, bà H)

2, Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 2002 (con ông Đại, bà Hoa)

3, Cháu Nguyễn Xuân Đ - sinh năm 2010 (con ông Đ, bà H)

4, Cháu Nguyễn Khánh Khôi N - sinh năm 2021 (con chị Đ)

Ông T, bà V là đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu P

Chị Đ là đại diện theo pháp luật của cháu N

Bà H, ông Đ là đại diện theo ủy quyền của cụ Đ, chị Đ, chị H

Địa chỉ: Số nhà 78 đường U, Tổ 22 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền vay nợ : Bị đơn nhất trí số nợ và nhất trí thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/12/2022 là: Nợ gốc trong hạn 88.568.000đồng; nợ gốc quá hạn: 36.449.506 đồng; nợ lãi trong hạn: 726.258đồng; nợ lãi quá hạn: 7.794.633đồng; lãi phạt: 2.046.537đồng; lãi chậm trả: 257.352 đồng; Tổng 135.842.286đồng và số tiền lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 27/12/2022 đến ngày bị đơn thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

- Về phương thức trả nợ: Bị đơn nhất trí thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc lãi chưa trả tạm tính đến ngày 26/12/2022 là 135.842.286đồng cùng số lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính từ ngày 27/12/2022 đến khi bị đơn thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn trong thời gian 12 tháng tính từ 04/01/2023 đến 30/12/2023 theo lộ trình sau:

+ Tháng 1/2023 đến tháng 3/2023 mỗi tháng trả 5.000.000đồng trả vào nợ gốc, trả vào ngày 25 hàng tháng;

+ Tháng 4/2023 đến tháng 11/2023 mỗi tháng trả 10.000.000đồng trả vào nợ gốc, trả vào ngày 25 hàng tháng;

+ Tháng 12/2023 tất toán toàn bộ số nợ gốc lãi còn lại và lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính từ ngày 27/12/2022 đến khi thực tế trả hết nợ theo lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký;

- Về tài sản bảo đảm: Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo biên bản hòa giải tại Tòa án và vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 16 tờ bản đồ số 44 tại địa chỉ: Số 78 tổ 5 khối 3C thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố H. Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 503018; số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 388.QĐ-UBND.2014 CH.0007.2014 do UBND huyện Đ cấp ngày 14/02/2014 mang tên ông Nguyễn Xuân Đ. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 705/2016/HĐTC quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/04/2016;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn;

- Về án phí: Tổng số tiền án phí là: 6.792.000đồng (*sáu triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Do các bên thỏa thuận được nên chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ = 3.396.000 đồng (*ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Hoàn trả Ngân hàng TNHH MTV D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.258.000đ (*ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047350 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Lương Vân